

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG GIÁO DỤC

A REVIEW OF MANAGING INTELLECTUAL PROPERTY IN EDUCATIONAL

LÊ HỒNG SƠN, NGUYỄN ĐẶNG AN LONG^(*)

^(*)Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, *anlongnd@gmail.com*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 23/5/2020 Ngày nhận lại: 29/5/2020 Duyệt đăng: 26/6/2020 Mã số: TCKH-S02T6-B21-2020 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: <i>sở hữu trí tuệ, giáo dục sở hữu trí tuệ, giáo dục phổ thông.</i></p> <p>Key words: <i>intellectual property, education on intellectual property, general education.</i></p>	<p><i>Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong giáo dục là một vấn đề mang tính toàn cầu, vừa cấp bách vừa lâu dài. Hoạt động này đã tạo ra môi trường hình thành nhiều sản phẩm sáng tạo, cũng như tiếp cận các tài sản trí tuệ. Bài viết tổng quan các nhà nghiên cứu trên thế giới cũng như Việt Nam về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ.</i></p> <p>ABSTRACTS <i>Managing intellectual property in education is a global, urgent and long-term matter as well. This activity establishes an environment for producing many creative products as well as approaching intellectual assets. This article reviews researches of researchers in the world and Viet Nam related to managing intellectual property.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Pháp luật quốc tế và pháp luật của hầu hết các quốc gia đều công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nhằm mục đích khuyến khích hoạt động sáng tạo, phổ biến tiến bộ khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Sở hữu trí tuệ đóng vai trò là động lực thúc đẩy hoạt động đổi mới - sáng tạo để phát triển tài sản trí tuệ quốc gia, góp phần nâng cao năng lực sáng tạo và tạo lập một môi trường cạnh tranh lành mạnh. Izbash (2014) nhấn mạnh sở hữu trí tuệ nên được coi là tài nguyên quý giá nhất của một tổ chức giáo dục, một yếu tố thực sự trong việc phát triển kinh tế từ những kiến thức cơ bản và ứng dụng, là cơ sở cho các phát

minh và khám phá khoa học trong tương lai (Lunyachek và Ruban, 2018).

Trong quá trình đất nước đẩy mạnh hội nhập khu vực và toàn cầu trên tất cả các phương diện kinh tế - xã hội, vấn đề thực thi quyền sở hữu trí tuệ đóng vai trò quan trọng nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội và trở thành điều kiện tiên quyết trong hội nhập quốc tế của quốc gia. Việt Nam đã trở thành thành viên của các điều ước quốc tế mang tính cốt lõi của hệ thống sở hữu trí tuệ thế giới. Đặc biệt, từ khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO thì hoạt động này trở nên sôi động với tất cả các dạng tài sản trí tuệ được bảo hộ theo luật định. Đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, vấn đề sở hữu trí tuệ đang nhận được sự quan tâm

manh mẽ, bởi đó là môi trường hình thành nhiều tác phẩm sáng tạo cũng như tiếp cận các tài sản trí tuệ. Yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có sự quản lý hiệu quả về hoạt động sở hữu trí tuệ để các cơ sở giáo dục có thể thiết lập hành lang quy chế tác động tới nhận thức của mỗi người, nhất là người dạy và người học, nhằm đảm bảo việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Tương tự như ở nước ngoài, trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam, hoạt động sở hữu trí tuệ vẫn còn mới mẻ, chủ yếu mới chỉ được triển khai ở cấp độ giáo dục đại học, chưa có nghiên cứu nào bàn về vấn đề này tại các trường phổ thông.

2. CÁC KHÁI NIỆM

2.1. Khái niệm sở hữu trí tuệ

Tại điều 2 của Công ước thành lập Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) ngày 14/7/1967 quy định: “sở hữu trí tuệ bao gồm các quyền liên quan đến các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học; các cuộc biểu diễn của nghệ sĩ biểu diễn, các bản ghi âm và các chương trình phát sóng; các sáng chế trong tất cả các lĩnh vực sáng tạo của con người; các khám phá khoa học; các kiểu dáng công nghiệp; các nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ và các tên thương mại; bảo hộ chống lại sự cạnh tranh không lành mạnh; và tất cả các quyền khác nảy sinh từ kết quả của hoạt động trí tuệ thuộc các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học và công nghiệp”.

Theo Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam thuộc Bộ Khoa học - Công nghệ, “sở hữu trí tuệ là khái niệm pháp lý chỉ sự bảo hộ của nhà nước đối với các thành quả lao động sáng tạo”.

Như vậy, sở hữu trí tuệ được hiểu là việc sở hữu các tài sản trí tuệ - những kết quả từ hoạt động tư duy, sáng tạo của con người. Đối tượng của loại sở hữu này là các tài sản phi vật chất nhưng có giá trị kinh tế, tinh thần to lớn góp phần quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển nền văn minh, khoa học, công nghệ của nhân loại, đó là các tác phẩm văn học, nghệ thuật, các công trình khoa học kỹ thuật ứng dụng cũng như các tên gọi, hình ảnh được

sử dụng trong các hoạt động thương mại. Sở hữu trí tuệ - tài sản trí tuệ là một loại tài sản vô hình là kết quả của quá trình tư duy sáng tạo trong bộ não con người được biểu hiện dưới nhiều hình thức. Tài sản trí thức là tài sản vô hình và cũng mặc định như tài sản hữu hình, sự hình thành, chuyển dịch và chấm dứt, cũng như bảo hộ các quyền phát sinh từ tài sản vô hình có những điểm khác biệt so với tài sản hữu hình. Do đó, hầu hết các nước trên thế giới đều ban hành những quy định pháp luật riêng biệt để điều chỉnh các quan hệ liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ.

2.2. Khái niệm quản lý sở hữu trí tuệ

Quản lý sở hữu trí tuệ là sự tác động có mục đích của chủ thể quản lý đối với các sản phẩm trí tuệ, các sáng chế trong tất cả các lĩnh vực sáng tạo của con người nhằm bảo hộ của nhà nước đối với các thành quả lao động sáng tạo.

Giáo dục Luật Sở hữu trí tuệ là quá trình trong đó dưới sự tổ chức hướng dẫn của nhà giáo dục, người được giáo dục tự giác, tích cực, tự giáo dục nhằm hình thành những quan điểm, niềm tin, giá trị, động cơ, thái độ, hành vi thói quen phù hợp với những chuẩn mực, những quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Ngày nay, tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ được đánh giá là đã vượt qua khỏi việc bảo hộ một cách đơn thuần các sáng tạo trí tuệ và trở thành một lĩnh vực vô cùng năng động đang ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống văn hóa, kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới. Được coi như một tập hợp các quyền dành riêng cho các tác phẩm trí thức, hiện nay việc bảo vệ và khai thác các đối tượng sở hữu trí tuệ đóng một vai trò quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế của các quốc gia và trong việc bảo vệ quyền của mỗi tác giả đối với tác phẩm của mình.

3. MỘT SỐ NGHIÊN CỨU VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG GIÁO DỤC

3.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Trên thế giới, khi xem xét cấp độ quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ ở trường đại học, nghiên cứu của Guo (2017) đề cập đến trường hợp điển hình: mô hình quản lý sở hữu trí tuệ ở Đại học Thanh Hoa - Trung Quốc được xem là một điển hình thuyết phục về quản lý sở hữu trí tuệ cho các trường đại học Trung Quốc và trong khu vực châu Á.

Ở phương diện nghiên cứu chính sách, qua khảo sát khoảng 2.800 sinh viên và 250 giảng viên, nhân viên từ 152 cơ sở giáo dục đại học tại Vương quốc Anh, Viện Giáo dục Đại học Anh quốc (HEI) đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về thái độ và nhận thức đối với sở hữu trí tuệ và chính sách sở hữu trí tuệ, với các phát hiện quan trọng sau: 1) Nhân mạnh tầm quan trọng của giáo dục sở hữu trí tuệ cho sinh viên: Chương trình giáo dục sinh viên về sở hữu trí tuệ (cung cấp các cơ hội để sinh viên tìm hiểu về các khía cạnh chung của sở hữu trí tuệ, áp dụng chung cho tất cả sinh viên mặc dù một số môn học có thể yêu cầu học tập trung hơn vào các khía cạnh cụ thể của sở hữu trí tuệ). Chính sách sở hữu trí tuệ của nhà trường (nâng cao nhận thức của sinh viên về các chính sách này). Tài nguyên học tập và giảng dạy (truyền đạt tầm quan trọng và độ ứng dụng của sở hữu trí tuệ trong các mô-đun cụ thể trong suốt cả năm học); 2) Thông báo cho sinh viên về chính sách sở hữu trí tuệ của nhà trường và quyền của họ trong hoạt động học tập (chính sách sở hữu trí tuệ của tổ chức nên được viết đơn giản và thường xuyên xem xét tính hiệu lực pháp lý; các thuật ngữ chính sách sở hữu trí tuệ cần được cập nhật, đặc biệt là về quyền sở hữu trí tuệ phát sinh trong hoạt động của người học; kiến thức và sự tự tin của nhân viên phụ trách hoạt động sở hữu trí tuệ cần được nâng cao, đặc biệt là khả năng tư vấn để sinh viên có thể hiểu chính sách sở hữu trí tuệ của tổ chức có thể tác động

như thế nào đến họ); 3) Nhất quán giữa trải nghiệm và kỳ vọng của việc đào tạo và học tập về sở hữu trí tuệ (cách tiếp cận nhất quán trong các tổ chức và các môn học, đặc biệt là trong các chính sách sở hữu trí tuệ để cán bộ và sinh viên có thể tiếp cận dễ dàng).

Redchits (2011) đề xuất cần trang bị các năng lực cần thiết cho đội ngũ giảng viên và nhân viên sư phạm để tuân thủ các quy định sở hữu trí tuệ, đồng thời, giới thiệu một phương pháp mang tính hệ thống để nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ khi sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Lunyachek và Ruban, 2018). Khẳng định sự cần thiết phải bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong giáo dục trên toàn thế giới, Lakhan và Khurana (2007) cho rằng, các nhà giáo dục cần được đào tạo về sở hữu trí tuệ trong bối cảnh rộng hơn, không chỉ giới hạn ở khía cạnh pháp lý. Việc giáo dục và quản lý sở hữu trí tuệ ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông rất hạn chế.

Với đặc thù hoạt động sở hữu trí tuệ ở bậc trung học, Owino nhận định, giáo viên hãy cố gắng giới thiệu càng nhiều công cụ kích thích hoạt động học tập càng tốt. Công nghệ đang cho phép giáo viên và học sinh truy cập dữ liệu ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Rõ ràng hoạt động trong thế giới mới đầy năng động này đòi hỏi nhà trường phải cung cấp nền tảng kiến thức cũng như có cơ chế quản lý sở hữu trí tuệ nhằm đảm bảo các hoạt động của nhà trường và giáo viên, học sinh không xung đột với các nguyên tắc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Để làm được điều đó, trước hết nhà trường cần thiết lập cơ chế: 1) Cung cấp các chương trình giáo dục về sở hữu trí tuệ để thúc đẩy sự hiểu biết của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên thảo luận về vấn đề sáng tạo, bản quyền và bằng sáng chế; 2) Xây dựng và khuyến khích văn hóa về sở hữu trí tuệ mạnh mẽ trong thế hệ trẻ; 3) Tạo ra một thế hệ những người đổi mới và sáng tạo trong tương lai; 4) Làm nổi bật vai trò của sở hữu

trí tuệ và các cách thức mà học sinh có thể đóng góp cho sự sáng tạo trong tương lai.

Việc giáo dục về sở hữu trí tuệ có vẻ không phù hợp hoặc không xứng đáng về hiệu quả chi phí. Tuy nhiên, như Larry Allman và cộng sự (2008) đã chỉ ra, giáo dục giới trẻ về sở hữu trí tuệ mang lại hiệu quả ở hai khía cạnh. Trước tiên, nó tạo điều kiện cho những nỗ lực giảm thiểu hiện tượng vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ, bằng cách giáo dục giới trẻ tôn trọng sáng tạo của người khác. Thứ hai, nó thúc đẩy sự theo đuổi sáng tạo trong thế hệ tiếp theo, bằng cách nhấn mạnh giá trị kinh tế và xã hội của bộ óc sáng tạo.

Ở Nga, một trong những vấn đề chính của quá trình đào tạo và giáo dục chuyên nghiệp là không có sự bảo vệ bản quyền. Sự phát triển của hình thức đào tạo - học tập điện tử càng làm cho vấn đề đó trở nên khó kiểm soát hơn. Do đó, để hướng tới một quốc gia dựa trên nền tảng giáo dục hiện đại và dựa trên sở hữu trí tuệ, Chính phủ Nga chủ trương thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các khóa học cũng như các phương pháp giáo dục cơ bản ở trường trung học cơ sở và trung học phổ thông, tạo ra một cơ chế để liên kết với các hoạt động giáo dục và giáo dục từ xa. Trên cơ sở xem xét các luật hiện hành về sở hữu trí tuệ của Nga, nghiên cứu của Mingaleva và Mirskikh (2013) đã phát hiện ra những vấn đề tồn tại chính trong các quy định pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong giáo dục và đổi mới, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi, gồm: 1) Vấn đề quy định về quyền sở hữu trí tuệ (cần có bản mô tả công việc và nhiệm vụ chi tiết của người dạy ở phạm vi rộng; họ phải có các quyền độc quyền đối với các bản thảo, bài giảng và ý tưởng không được ủy thác); 2) Vấn đề bảo vệ ý tưởng trong quá trình giáo dục (các ý tưởng được tạo ra trong quá trình giáo dục phải được bảo vệ như trí tuệ vật chất. Quyền sở hữu bản quyền trong trường hợp này phải thuộc về tác giả của ý tưởng được thể hiện); 3) Giáo dục từ xa và bản quyền.

3.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước

Trên thực tế các trường đại học ở nước ta cũng đã có những triển khai ban đầu về hoạt động sở hữu trí tuệ và quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ. Trên cơ sở nghiên cứu, học hỏi mô hình quản lý sở hữu trí tuệ chuyên nghiệp của Đại học Thanh Hoa - Trung Quốc, Phạm Thúy Hằng và Nguyễn Thanh Hùng (2018) đã đưa ra định hướng vận dụng bài học kinh nghiệm trong quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ cho các trường đại học Việt Nam, bao gồm: 1) Đối với các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước: Xây dựng và đổi mới hệ thống các văn bản quy định theo từng cấp, tùy theo chức năng của mỗi cấp mà có những hướng dẫn cụ thể để bộ phận thực thi cấp dưới có thể dễ dàng thực hiện; có chính sách cung cấp rõ ràng về quyền sở hữu trí tuệ cho các nghiên cứu do chính phủ tài trợ nhằm tạo động cơ khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, trường đại học hợp tác, tìm kiếm lợi ích từ việc tuyên bố quyền sở hữu, thúc đẩy xu hướng cấp bằng sáng chế đại học; từng bước giải quyết những thách thức về thị trường, cải thiện luồng thông tin, cơ sở hạ tầng thị trường và điều kiện tài chính khuyến khích đầu tư vào công nghệ của các trường đại học; 2) Đối với nhà quản lý, lãnh đạo trường đại học, tổ chức nghiên cứu: Chú trọng tiến hành việc soạn thảo và thực hiện chính sách, thể chế của tổ chức về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, trong đó phản ánh tầm nhìn, sứ mệnh của nhà trường, đồng thời ban hành các quy trình thực hiện công tác quản lý sở hữu trí tuệ; xây dựng và hỗ trợ cơ quan/văn phòng chuyên giao công nghệ có các nguồn lực và năng lực để bảo vệ và khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ, vì lợi ích của cả nhà trường và xã hội; bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong trường đại học chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng ký bảo hộ độc quyền các sản phẩm khoa học của cán bộ, giảng viên, nhà khoa học, nghiên cứu viên, đồng thời chú trọng việc khai thác giá trị sở hữu trí tuệ bằng hoạt động thương mại hóa nhằm mang lại hiệu

quả kinh tế; chú trọng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên bộ máy chuyên trách quản lý sở hữu trí tuệ trong trường đại học; giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ cho cán bộ, giảng viên, sinh viên; chú trọng tăng cường gắn kết trường đại học với các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn cả nước nhằm chuyển giao kết quả nghiên cứu, sáng tạo khoa học từ trường đại học đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả kinh tế.

Theo Nguyễn Thị Ngọc Tuyền (2019), quyền tác giả là một trong những đối tượng dễ bị xâm phạm khi công cuộc cách mạng thông tin điện tử phát triển ngày càng nhanh chóng ở Việt Nam. Do đó, trong xu thế phát triển mạng thông tin công nghệ 4.0 hiện nay, các cơ sở giáo dục đại học cần quan tâm nhiều hơn nữa trong công tác bảo hộ quyền tác giả, xem đây là nhiệm vụ chiến lược và công tác tổ chức thực hiện bảo vệ quyền tác giả tại nhà trường là nhiệm vụ trọng tâm, từ đó tạo điều kiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể quyền tác giả trong nhà trường một cách hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu và học tập. Theo đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với nhà trường: 1) Xây dựng quy chế riêng về bảo hộ quyền tác giả cho cơ sở giáo dục, tăng cường giao lưu học hỏi kinh nghiệm xây dựng quy chế từ các trường đại học khác; 2) Phát triển các biện pháp công nghệ để các chủ thể có thể tự bảo vệ quyền tác giả một cách hiệu quả; 3) Quy định rõ việc phân bổ lợi ích giữa tác giả và chủ sở hữu trong hoạt động thương mại hóa các tác phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ước (1967), *Thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (công ước Stockholm) được kí kết tại Stockholm ngày 14 tháng 7 năm 1967 và được sửa đổi bổ sung ngày 28 tháng 9 năm 1979.*
2. IPAN Education Group, *University IP Policy: Perception and practice how students and staff understand intellectual property policy at their HEI*, version 11.2i 20160728 full report.

4. KẾT LUẬN

Các nghiên cứu đều khẳng định sở hữu trí tuệ được đánh giá là tài nguyên quý giá nhất của tổ chức giáo dục, một yếu tố thực sự quan trọng trong việc phát triển kinh tế từ những kiến thức cơ bản và ứng dụng, là cơ sở cho các phát minh và khám phá khoa học trong tương lai. Theo đó, quản lý sở hữu trí tuệ trong giáo dục là một vấn đề toàn cầu quan trọng và phức tạp, vừa mang tính cấp bách vừa mang tính lâu dài. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề này còn khá mới mẻ. Các công trình nghiên cứu về quản lý sở hữu trí tuệ chủ yếu là trong trường đại học, không có trong trường phổ thông. Trọng tâm của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của giáo dục mới chỉ giới hạn ở vấn đề bản quyền tài liệu học tập như các khóa học, bài thuyết trình và bài giảng, và đó không phải là kết quả của các chính sách hay chương trình của cơ quan quản lý, mà mới chỉ nảy sinh từ sáng kiến riêng. Trong bối cảnh hình thức đào tạo - học tập điện tử càng phát triển thì vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ càng trở nên khó kiểm soát. Để hướng tới một quốc gia dựa trên nền tảng giáo dục hiện đại và sở hữu trí tuệ, các cơ quan quản lý nhà nước và quản lý các cơ sở giáo dục phải nhận thức được tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ, chủ trương thực hiện bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản trí tuệ. Chính phủ cũng như nhà trường phải cung cấp nền tảng kiến thức cũng như có cơ chế quản lý sở hữu trí tuệ nhằm đảm bảo các hoạt động của nhà trường và giảng viên, học sinh không xung đột với các nguyên tắc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

3. Lunyachek, V., Ruban, N. (2018), *Managing Intellectual Property Rights Protection in the System of Comprehensive Secondary Education, Public Policy and Administration*, Vol. 17, No 1.
4. Lakhan, S. E., Khurana, M. K. (2007), *The State of Intellectual Property Education Worldwide, Journal of Academic Leadership*, Vol. 5, No. 2.
5. Larry Allman, Mpazi Sinjela, Yo Takagi (2008), *Recent Trends and Challenges in Teaching Intellectual Property*, in *Teaching of Intellectual Property: Principles and Methods* 1, 9 (Yo Takagi).
6. Mingaleva, Z., Mirskikh, I. (2013), *The problems of legal regulation and protection of intellectual property*. Procedia: Social and Behavioral Sciences, 81, 329 - 333. doi:10.1016/j.sbspro.2013.06.437.
7. Hua Gua (2017), *IP Management at Chinese Universities*, IP Handbook of Best Practices, Retrieved April 10, 2017, from: <http://www.iphandbook.org/handbook/ch17/p16/index.html>.
8. Nguyễn Thị Ngọc Tuyên (2019), *Bảo hộ quyền tác giả trong cơ sở giáo dục đại học - Thực tiễn tại một số trường đại học*, truy cập ngày 03/5/2020, <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/bao-ho-quyen-tac-gia-trong-co-so-giao-duc-dai-hoc-thuc-tien-tai-mot-so-truong-dai-hoc-64993.htm>
http://www.noip.gov.vn/vi_VN/web/guest/-ieu-uoc-quoc-te.
9. Quốc hội (2005), Luật Sở hữu trí tuệ.